| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số:01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13/01/2025.
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

2. Ông Trần Văn Đông.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Đình Anh - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một*** *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy– Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2024/ QĐST- HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2025 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa ngày 25 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1981; địa chỉ hộ khẩu thường trú: Số X, tổ 3, khu phố C, phường Đ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1976; Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã L, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. Tạm trú: Số X, tổ 3, khu phố 6, phường Đ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Thanh C tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào năm 2007 có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã (nay là phường) Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương vào năm 2007. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường nhưng từ Tết nguyên đán năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông C về quê ở ấp An Hưng, xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng chơi đánh bài thua hết số tiền 10.000.000đ tiền mặt và 05 chỉ vàng được bà Phạm Thị N đưa khi về quê. Sau đó, ông C trở lại nhà thì bà Phạm Thị N vẫn vui vẻ bỏ qua nhưng ông C nói bà Phạm Thị N ở nhà dắt trai về nhà chơi. Khi bà Phạm

Thị N đi chơi Tết Núi Bà Đen cùng gia đình bà Phạm Thị N và hàng xóm thì ông C có thái độ ghen tuông. Từ đó cho đến nay thì ông C thường xuyên dùng những lời lẽ nặng nề nhắn tin, gọi điện để xúc phạm bà N. Vì con bà Phạm Thị N đã chịu đựng nhiều năm trời để gia đình đoàn tụ hạnh phúc nhưng hiện nay ông C đã C tục xúc phạm, chửi mắng nên bà N không thể tiếp tục sống chung cùng với ông C. Bà Phạm Thị N yêu cầu tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Nguyễn Thanh C.

- Về con chung: Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Thanh C có con chung là Nguyễn Thanh TR, sinh ngày 18/9/2008, cháu Nguyễn Thanh K, sinh ngày 24/7/2013. Sau khi ly hôn Bà Phạm Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh TR, cháu Nguyễn Thanh K. Về cấp dưỡng Bà Phạm Thị N không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Thanh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà N tự nguyện nộp toàn bộ án phí.

* Bị đơn ông Nguyễn Thanh C trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh C thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì ông C và bà N sống tại phường Định Hòa cho đến nay. Quá trình sống chung thì ông C vẫn phụ bà N đưa đón con, phụ bà N buôn bán. Việc bà N cho rằng ông C không có trách nhiệm trong giá đình là hoàn toàn không đúng. Tiền bạc, tài chính trong nhà là do bà N quản lý. Đến Tết Nguyên Đán ông C về quê của ông C chơi thì có thua bài với số tiền 10.000.000đ và 05 chỉ vàng, việc này ông C có gọi điện thoại báo cho bà N biết. Sau đó, ông C phát hiện bà N có mối quan hệ không rõ ràng với người đàn ông khác nhưng sau đó mọi tin nhắn, hình ảnh bà N đã lấy điện thoại của ông C xóa hết chứng cứ. Hiện nay, ông C xác định tình cảm vợ chồng đã không còn nhưng ông C muốn giải quyết luôn phần tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên ông C yêu cầu chia tài sản chung.

- Về con chung: Bà N và ông C có con chung là Nguyễn Thanh TR, sinh ngày 18/9/2008, cháu Nguyễn Thanh K, sinh ngày 24/7/2013. Sau khi ly hôn ông C đồng ý để bà N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh TR, cháu Nguyễn Thanh K. Về cấp dưỡng ông C không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết ông Nguyễn Thanh C có trình bày ý kiến về yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với bà N. Tuy nhiên, quá thời hạn Tòa án yêu cầu ông C nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung nhưng ông C vẫn không nộp đơn.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Thanh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí thì bà N chịu.

Ngày 09/12/2024, nguyên đơn bà Phạm Thị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thanh C vẫn giữ nguyên yêu cầu và lời trình bày về việc không đồng ý ly hôn với bà N, khi nào bà N đồng ý giải quyết xong tài sản chung thì ông C sẽ đồng ý ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con thì ông C không cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp

luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Thanh C. Bị đơn ông Nguyễn Thanh C hiện đang cư trú tại phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Căn cứ theo quy định pháp luật thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Thanh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương vào ngày 07/01/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà N yêu cầu được ly hôn với ông C vì cho rằng trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thiếu sự tôn trọng, quan tâm chăm sóc. Ông C quá trình giải quyết vụ án cũng xác định giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài và hiện nay không thể hàn gắn, đoàn tụ. Ông C xác định lý do không đồng ý ly hôn là vì cho rằng khi giải quyết ly hôn thì phải giải quyết luôn cả phần tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Nhận thấy, tình cảm gia đình phải được vun đắp từ hai phía, cả hai phải quan tâm, yêu thương chăm sóc lẫn nhau để gây dựng gia đình hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, mục đích hôn nhân hạnh phúc của bà  N và ông C đã không đạt được. Nguyên đơn bà N và ông C thừa nhận vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc từ nhiều năm nay. Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của bà N và ông C thì địa phương không nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn gia đình của vợ chồng bà N ông C. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành phân tích, vận động vợ chồng nhằm hòa giải đoàn tụ nhưng không đạt được kết quả.Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà  N với ông C là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với phần trình bày của ông C về việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, mặc dù ông C có trình bày yêu cầu nhưng Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến, yêu cầu ông C có đơn yêu cầu chia tài sản chung nhưng quá thời hạn ông C vẫn không nộp đơn. Do đó, Tòa án chỉ tiến hành giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N, nếu ông C có tranh chấp liên quan đến tài sản chung, nợ chung thì có thể giải quyết bằng một vụ án khác.

Về con chung: Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Thanh C có con chung là Nguyễn Thanh TR, sinh ngày 18/9/2008, cháu Nguyễn Thanh K, sinh ngày 24/7/2013. Theo biên bản ghi nhận ý kiến của con chung thì cả cháu TR, cháu K đều có nguyện vọng ở cùng bà N, điều này phù hợp với ý kiến của bà N, ông C.

Về cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu, ông Nguyễn Thanh C không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Thanh C có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm con con chung. Vì lợi ích hợp pháp của con chung là cháu Nguyễn Thanh TR, cháu Nguyễn Thanh K, khi các đượng sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phạm Thị N phải chịu án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 228, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Pạm Thị N và ông Nguyễn Thanh C về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N được ly hôn đối với ông Nguyễn Thanh C.

- Về con chung: Bà Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thanh TR, sinh ngày 18/9/2008, cháu Nguyễn Thanh K, sinh ngày 24/7/2013.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Thanh C có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/24 0002162 ngày 22/7/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hồng Phương**